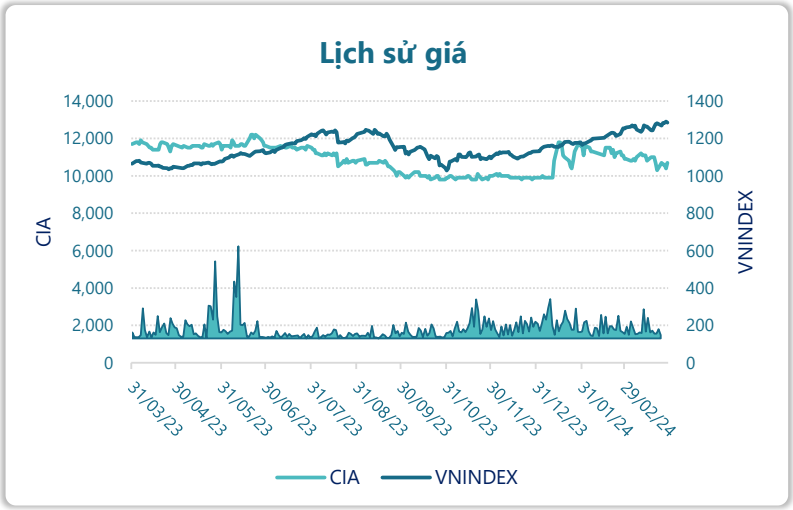
FireAnt

CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (HNX: CIA)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
SL cổ phiếu LH	18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,040
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	200
P/E	91.1
EPS	117

DT thuần

Q1/24

25.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.10| 18.7%

YoY: ▲ 7.30| 39.3%

LN sau thuế

Q1/24

-1.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.40| -151%

YoY: ▼3.30| -153%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.4%

+/- YoY: ▼ 54.2%

DT thuần

2023

94.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.7| -11.2%

LN sau thuế

2023

5.49

tỷ VNĐ

YoY: ▼54.0| -90.8%

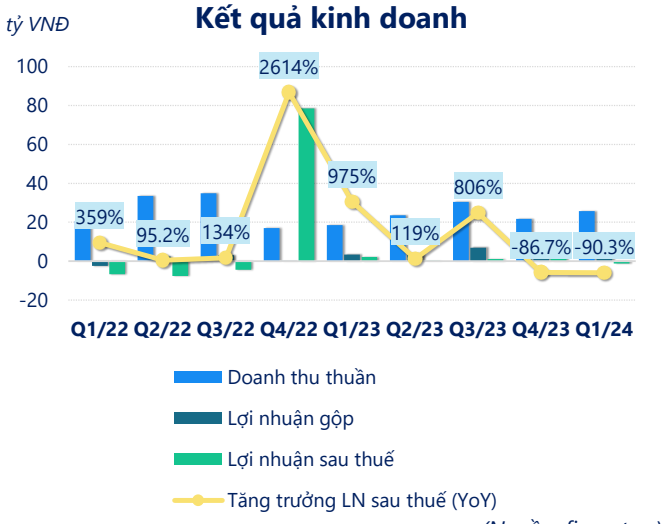
ROE

2023

1.7%

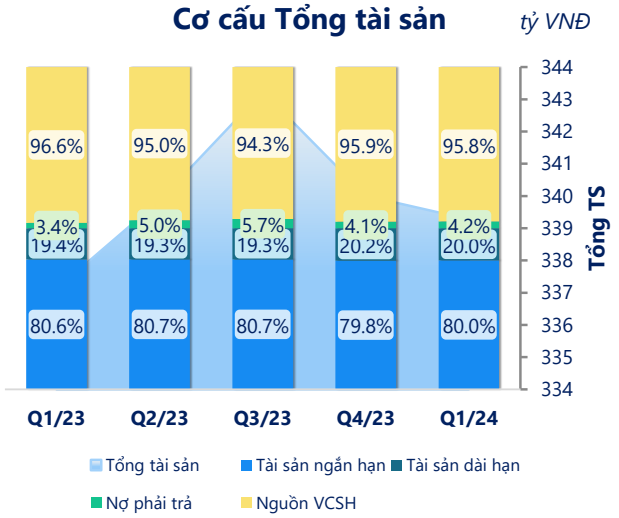
+/- YoY: ▼ 20.8%

Kết quả kinh doanh



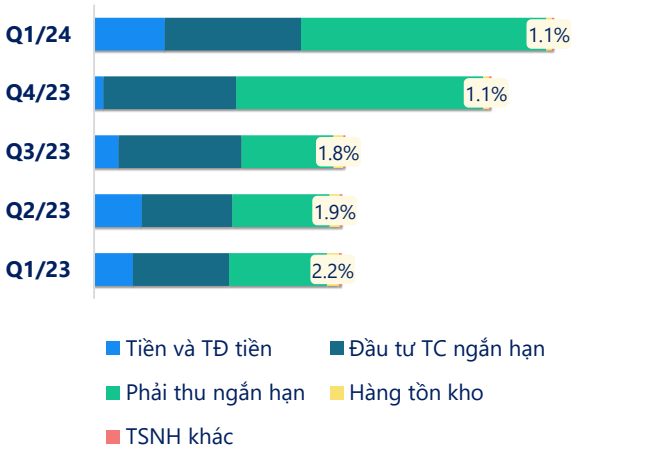
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



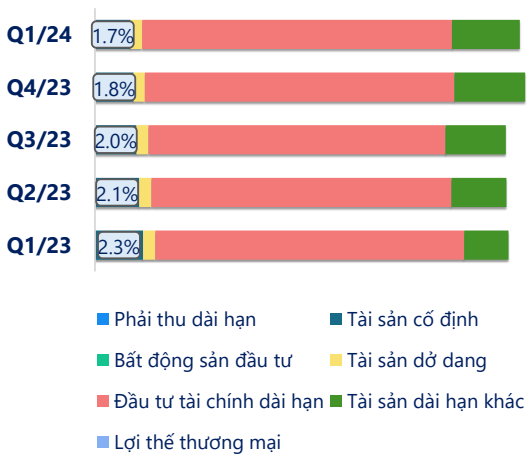
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



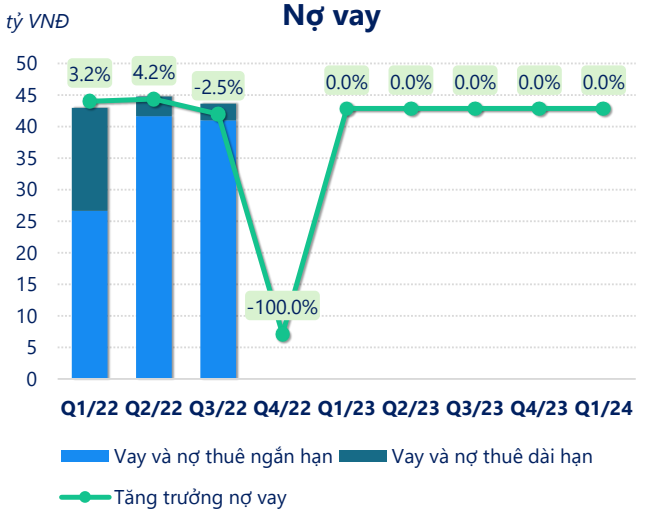
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



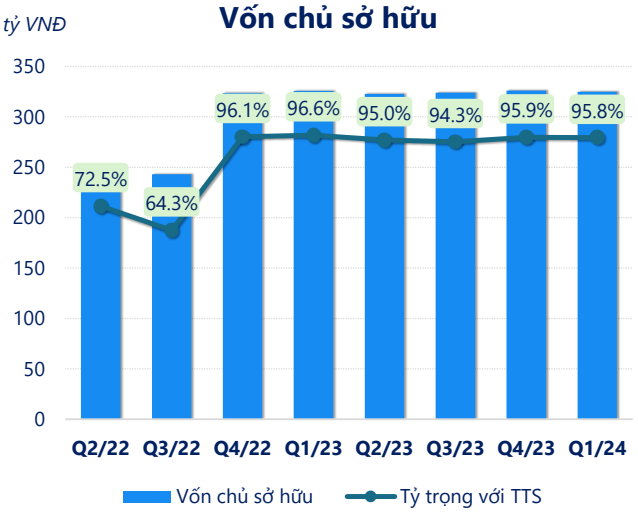
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



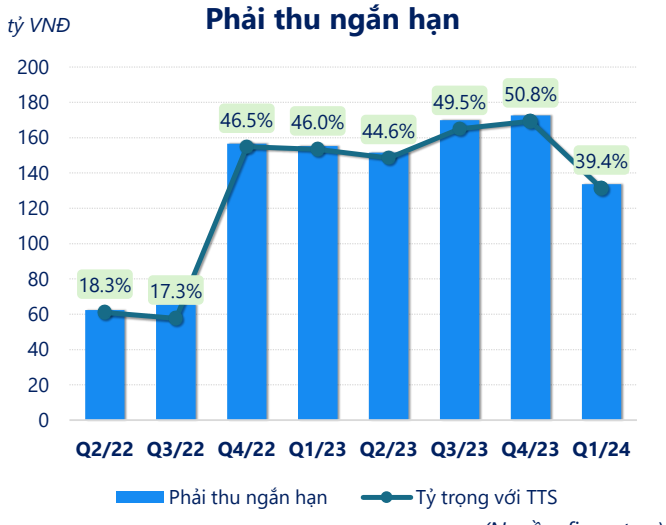
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



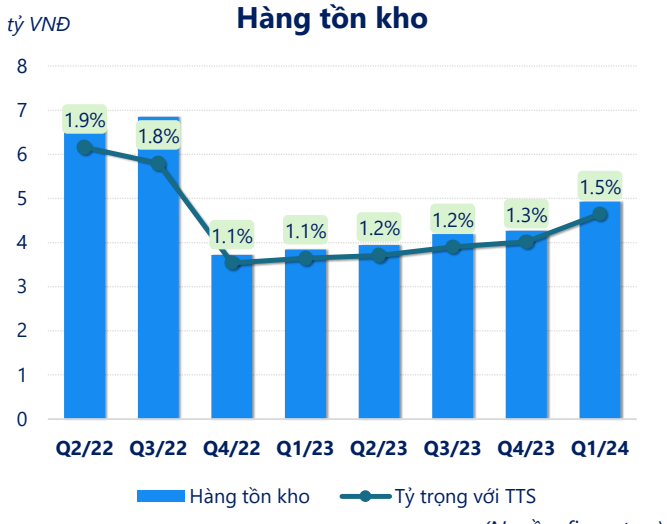
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



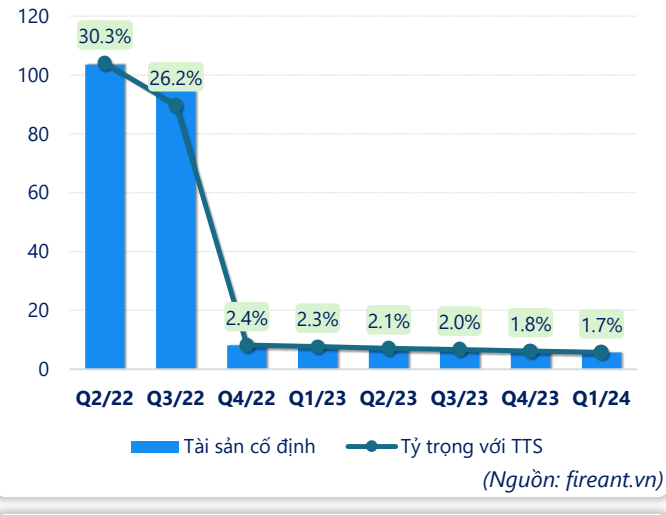
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



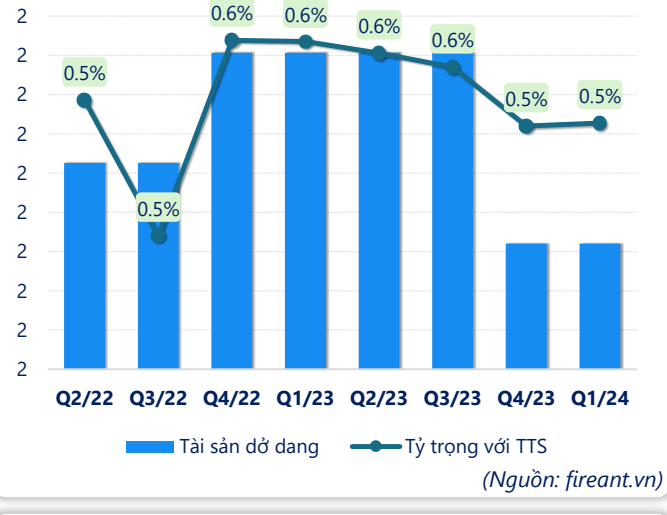
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



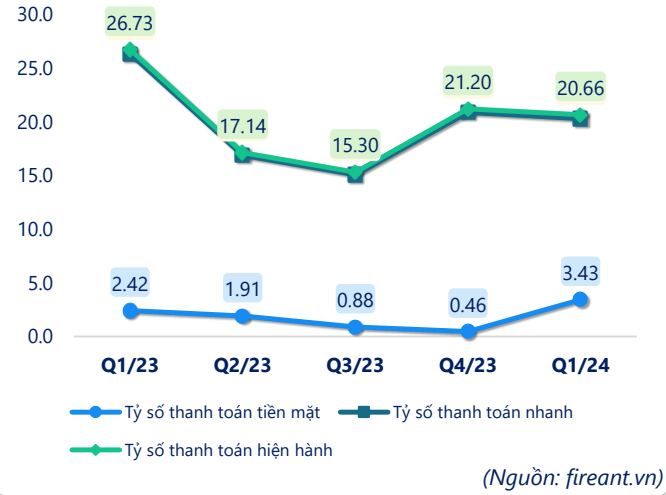
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



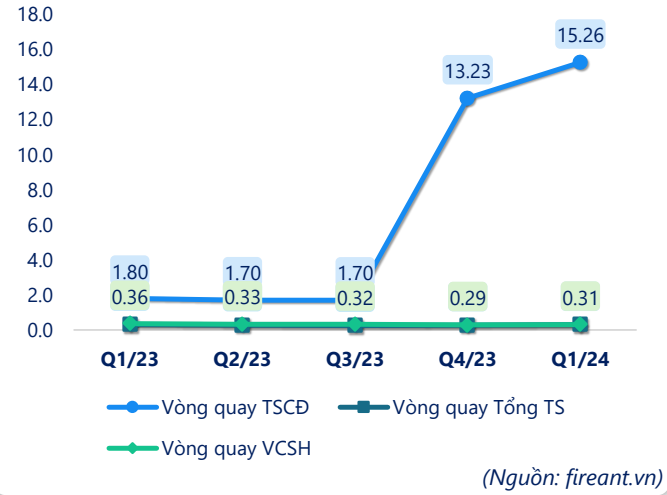
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**337**	**340**	**343**	**340**	**339**
Tài sản ngắn hạn	**272**	**274**	**277**	**271**	**272**
Tiền và tương đương tiền	24.6	30.5	15.9	5.90	45.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.6	86.5	85.2	86.3	86.7
Phải thu ngắn hạn	155	151	170	173	134
Hàng tồn kho	3.84	3.94	4.19	4.27	4.93
Tài sản ngắn hạn khác	1.41	1.72	1.67	2.09	1.22
Tài sản dài hạn	**65.5**	**65.8**	**66.3**	**68.8**	**67.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.61	7.08	6.72	6.17	5.68
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.92	1.92	1.92	1.82	1.82
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	47.9	47.9	49.4	49.4
Tài sản dài hạn khác	6.99	8.83	9.73	11.3	10.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**11.4**	**17.1**	**19.4**	**13.9**	**14.3**
Nợ ngắn hạn	**10.2**	**16.0**	**18.1**	**12.8**	**13.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.33	5.40	6.45	5.44	5.74
Nợ dài hạn	1.24	1.13	1.31	1.14	1.21
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**326**	**323**	**324**	**326**	**325**
Vốn chủ sở hữu	**326**	**323**	**324**	**326**	**325**
Vốn điều lệ	197	197	197	197	197
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)